

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 452/2024/DS-PT
Ngày: 14-11-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Trần Trọng Nhân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 421/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 394/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp 5, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Anh T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An (Theo Văn bản ủy quyền ngày 14-5-2024).

- **Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Bà Võ Thị Ngọc N, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Số 49 Nguyễn Hữu T, Khu phố Y, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (Theo Văn bản ủy quyền ngày 28-5-2024).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn C – Bị đơn.

(Ông T và bà N có mặt; ông H1 và ông K vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31-01-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H do ông Lê Anh T đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Bà H có chồng là ông Nguyễn Văn K. Do có mối quan hệ quen biết nên ông Nguyễn Hữu H1 và ông Nguyễn Văn C có hai lần cùng vay tiền của bà H, cụ thể như sau: Ngày 10-6-2023, ông Nguyễn Hữu H1 và ông Nguyễn Văn C vay của bà H số tiền là 1.400.000.000 đồng trong thời hạn từ 10-6-2023 đến ngày 30-6-2023. Ngày 25-9-2023, ông Nguyễn Hữu H1 và ông Nguyễn Văn C vay của bà H số tiền là 1.170.000.000 đồng trong thời hạn từ 25-9-2023 đến ngày 10-10-2023. Việc cho vay tiền đã thực hiện giao nhận tiền đầy đủ nhưng kể từ khi vay tiền đến nay ông Nguyễn Hữu H1 và ông Nguyễn Văn C không trả tiền đã vay cho bà H như thoả thuận. Ông Nguyễn Hữu H1 đã khai nhận tại Tòa án là có cùng ông Nguyễn Văn C vay của bà Huỳnh Thị H số tiền 2.570.000.000 đồng nhưng đã trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền 400.000.000 đồng. Bà H khẳng định ông Nguyễn Hữu H1 và ông Nguyễn Văn C không có trả cho bà H số tiền 400.000.000 đồng liên quan đến hai khoản vay ngày 10-6-2023 và ngày 25-9-2023.

Nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Hữu H1 và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vay là 2.570.000.000 đồng. Bà H không yêu cầu tính lãi.

Thực tế, ông C và ông H1 vay tiền của bà H theo hai giấy mượn nợ nêu trên. Hoàn toàn không có sự việc ông H1 vay tiền và ông C đứng ra bảo lãnh như ông C trình bày. Số tiền mượn là tiền gốc, không phải tiền gốc và tiền lãi cộng dồn như ông C trình bày. Số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng bà H. Nay bà H đứng ra khởi kiện và được ông K đồng ý nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Bà H xác định ông H1 và ông C vay tiền để làm ăn. Ông C không có vợ. Hiện vợ chồng ông H1 cũng đã ly hôn. Số tiền vay là cá nhân ông H1 vay, không liên quan gì đến vợ ông H1. Do đó, bà H không có yêu cầu gì đối với vợ ông H1 trong vụ án này.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C do bà Võ Thị Ngọc N đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ông C độc thân, không có vợ. Ông H1 và ông C là bạn làm ăn chung. Do cần tiền nên ông H1 có vay tiền của bà H theo giấy mượn tiền đề ngày 25-9-

2023, ngày 10-6-2023. Theo giấy mượn tiền nêu trên thì ông Nguyễn Hữu H1 có vay tiền của bà Huỳnh Thị H. Tuy nhiên, số tiền vay cụ thể là bao nhiêu thì ông C không biết. Thực tế, khoản nợ vay này là do ông H1 vay của bà H. Khi ông H1 vay tiền thì bà H yêu cầu ông C ký tên vào giấy vay tiền để bảo lãnh cho khoản vay trên. Ông C chỉ là người bảo lãnh cho khoản vay này chứ thực tế ông C không vay tiền của bà H. Ông C chỉ nghe ông H1 nói giấy vay tiền trên bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi cộng dồn lại. Nay bà H khởi kiện thì đề nghị ông H1 có trách nhiệm trả tiền cho bà H, ông C không đồng ý liên đới trả nợ cho bà H.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu H1 trình bày:

Do quen biết nên ông H1 và ông C có vay của bà H số tiền 2.570.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 25-9-2023, ngày 10-6-2023. Khoảng tháng 11/2023, ông H1 và ông C có trả cho bà H số tiền 400.000.000 đồng bằng hình thức đưa tiền mặt tại nhà của bà H. Nay ông H1 thống nhất cùng với ông C trả cho bà H số tiền 2.170.000.000 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên ông H1 xin trả dần trong thời hạn 05 tháng. Do bận công việc nên ông H1 xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ông K là chồng của bà H. Tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng ông K và bà H. Tuy nhiên, do công việc làm ăn nên bà H là người đứng ra cho vay. Nay cá nhân bà H khởi kiện thì ông K cũng đồng ý và bà H được toàn quyền quyết định các vấn đề trong vụ án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Do bận công việc nên ông K xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Mọi ý kiến trình bày, kể cả thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông K đều thống nhất, cam kết không khiếu nại về sau.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 180, 227, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu H1, ông Nguyễn Văn C về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Hữu H1 và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền vay là 2.570.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm bảy mươi triệu đồng chẵn).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15-7-2024, bị đơn ông Nguyễn Văn C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn về việc buộc ông C phải liên đới cùng ông Nguyễn Hữu H1 trả cho bà H số tiền 2.570.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của ông C trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Theo giấy mượn tiền ngày 10-6-2023 và ngày 25-9-2023 thì ông H1 và ông C có vay của bà H số tiền 2.570.000.000 đồng. Ông C thừa nhận có ký tên trên các giấy mượn tiền nêu trên. Ông C cho rằng ông chỉ ký tên để bảo lãnh cho ông H1 chứ không có vay tiền của bà H nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Hữu H1 và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền vay là 2.570.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Ông C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông C phải liên đới cùng ông Nguyễn Hữu H1 trả cho bà H số tiền 2.570.000.000 đồng.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Hữu H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu H1 và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vay là 2.570.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” và giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Thấy rằng, tại “Giấy mượn tiền” ngày 10-6-2023 thể hiện, ông Nguyễn Hữu H1 và ông Nguyễn Văn C có vay của bà H số tiền là 1.400.000.000 đồng trong thời hạn từ 10-6-2023 đến ngày 30-6-2023; tại “Giấy mượn tiền” ngày 25-9-2023 thể hiện, ông Nguyễn Hữu H1 và ông Nguyễn Văn C vay của bà H số tiền là 1.170.000.000 đồng trong thời hạn từ 25-9-2023 đến ngày 10-10-2023. Tổng số nợ vay là 2.570.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định giữa các bên xác lập

hợp đồng vay tiền có thời hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Tại bản tự khai ngày 14-5-2024, ông H1 thừa nhận ông H1 và ông C có vay số tiền nêu trên của bà H. Tuy nhiên, ông H1 cho rằng đã trả trước 400.000.000 đồng cho bà H tại nhà của bà H bằng hình thức giao tiền mặt. Sự việc trả trước 400.000.000 đồng thì ông H1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh và cũng không được bà H thừa nhận. Do đó, việc ông H1 cho rằng đã trả cho bà H 400.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C do bà N đại diện trình bày, ông C chỉ là người bảo lãnh cho khoản vay trên. Tuy nhiên, trong giấy mượn tiền ngày 25-9-2023 thể hiện tên người mượn tiền là ông Nguyễn Hữu H1 và ông Nguyễn Văn C. Nội dung giấy mượn thể hiện “Chúng tôi có mượn của bà Huỳnh Thị H ... số tiền 1.170.000.000 đồng”. Tại mục ký tên người mượn tiền thì có chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Hữu H1 và ông Nguyễn Văn C. Ông H1 và ông C thừa nhận chữ ký và chữ viết tên trong giấy mượn tiền là của ông H1 và ông C;

[7] Đối với “Giấy mượn tiền” ngày 10-6-2023 tuy tại phần người mượn tiền chỉ ghi tên ông Nguyễn Hữu H1 nhưng tại mục người mượn tiền có nội dung: “Hôm nay: 10-6-2023 có nhận đủ số tiền 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn)” có chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Hữu H1 và ông Nguyễn Văn C. Tại bản tự khai ngày 14-5-2024, ông H1 thừa nhận cả ông H1 và ông C có vay số tiền 2.570.000.000 đồng của bà H.

[8] Ông H1 xác định ông C là người vay tiền, không phải là người bảo lãnh như ông C trình bày. Trong giấy mượn tiền cũng không có nội dung nào thể hiện ông C là người bảo lãnh cho khoản vay trên, lời trình bày của ông C cho rằng ông C là người bảo lãnh cũng không được bà H thừa nhận. Do đó, không có căn cứ xác định ông C là người bảo lãnh như ông C trình bày.

[9] Người đại diện theo ủy quyền của ông C còn cho rằng trong giấy mượn tiền ngày 10-6-2023, số tiền là 1.400.000.000 đồng có ghi đã nhận đủ tiền. Riêng giấy mượn tiền ngày 25-9-2023, số tiền là 1.170.000.000 đồng không ghi đã nhận tiền nên không xác định giữa các bên có giao nhận tiền hay không. Xét thấy, ông T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định các bên đã giao nhận đủ tiền tại nhà bà H ngay khi ký tên vào hai giấy mượn tiền. Lời trình bày này của ông T được ông H1 thừa nhận.

[10] Cụ thể, tại bản tự khai ngày 14-5-2024, ông H1 xác định đã nhận đủ số tiền 2.570.000.000 đồng và có nợ bà H số tiền nêu trên. Đồng thời, trong suốt quá trình giải quyết vụ án thì phía ông C cũng xác định có sự việc vay số tiền nêu trên, chỉ không đồng ý liên đới trả vì cho rằng ông C chỉ là người bảo lãnh. Nay bà N cho rằng không xác định được đã giao nhận tiền hay chưa là không có căn cứ.

[11] Từ những căn cứ trên, có cơ sở xác định ông Nguyễn Hữu H1 và ông Nguyễn Văn C có vay của bà Huỳnh Thị H số tiền 2.570.000.000 đồng. Ông H1 và ông C không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả nợ cho bà H đối với khoản vay trên. Bà H không yêu cầu trả tiền lãi nên không xem xét. Ông H1 trình

bày do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần số tiền nêu trên trong thời hạn 05 tháng nhưng không được bà H đồng ý nên yêu cầu xin trả dần của ông H1 là không có căn cứ chấp nhận.

[12] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H. Buộc ông H1 và ông C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vay là 2.570.000.000 đồng là có căn cứ. Ông C kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[13] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là không đúng mà phải căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên cần điều chỉnh lại cho đúng.

[14] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông C là có căn cứ.

[15] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 180, 227, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu H1, ông Nguyễn Văn C về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Hữu H1 và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền vay là 2.570.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm bảy mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Hữu H1 và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới chịu 83.400.000 đồng (tám mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị H 41.700.000 đồng (bốn mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006995 ngày 06-3-2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bến Lức.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm án phí phúc thẩm theo biên lai số 0007509 ngày 16-7-2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bến Lức để thi hành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

